

KỈ NIỆM 130 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(19.5.1890 - 19.5.2020)

SUỐT ĐỜI HỌC BÁC



KIỀU MAI SƠN
ghi chép



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

KỶ NIỆM 130 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(19.5.1890 - 19.5.2020)

SUỐT ĐỜI HỌC BÁC



KIỀU MAI SƠN
ghi chép

[Dành cho lứa tuổi 12+]

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

"... Càng nghĩ tôi càng cảm động, càng thấm thía công ơn của Bác, lòng thương yêu của Bác đã dành cho tôi. Bác luôn luôn là hình ảnh thiêng liêng nhưng rất gần gũi với tôi. Trong tâm khảm tôi, một bên là ba má và chị tôi, còn một bên là Bác Hồ."

VIỆN SỬ, GIÁO SƯ **TRẦN ĐẠI NGHĨA**

"Nghe giọng Bác đến bây giờ tôi vẫn nhớ văng vẳng, đủ thấy nó ảnh hưởng vào tôi sâu sắc như thế nào. Cho nên trong cuộc đời của tôi, tôi thấy những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dạy cho bộ đội, thường dạy cho những người cán bộ, chúng tôi cần học suốt đời..."

ĐẠI TÁ NGUYỄN XUÂN LƯƠNG

Lời nói đầu



Đã có rất nhiều cuốn sách viết về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cũng có không ít những cuốn sách ghi lại những hồi ức, kỉ niệm, tình cảm thiêng liêng của các tầng lớp nhân dân dành cho Người. Nhưng tất cả dường như chưa đủ bởi Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam, người chiến sĩ cộng sản suốt đời tận tụy vì nước, vì dân với những phẩm chất giản dị mà cao đẹp luôn là tấm gương sáng cho nhiều thế hệ tìm hiểu, học tập, noi theo.

Và cũng chính vì vậy, những chuyện kể về Người bao giờ cũng luôn như mới mẻ và gợi cho chúng ta nhiều xúc cảm chân thành.

Trong tập sách này, bạn đọc sẽ trở lại Cao Bằng, lắng nghe hoài niệm về thời kì gian khó, hiểm nguy -

những ngày đầu tiên khi vị Cha già trở về Tổ quốc. Bạn đọc cũng hòa cùng không khí tung bừng, trang nghiêm của buổi lễ Tuyên ngôn Độc lập, đồng cảm với người thanh niên Hà Nội về niềm tôn kính Bác, về lí tưởng được cống hiến cho sự nghiệp kháng chiến bảo vệ Thủ đô và xây dựng đất nước. Theo chân Bác lên chiến khu Việt Bắc, chúng ta lại được Người chỉ bảo về nếp sinh hoạt tiết kiệm, lối sống văn minh; về ý thức sáng tạo, vượt qua nghịch cảnh qua lời kể của những cán bộ, nhân viên được làm việc cùng mình... Cảm động làm sao khi biết rằng, dù bận việc nước, việc quân, Bác vẫn quan tâm đến đời sống cá nhân của từng cán bộ trong cơ quan và dặn dò: “Bác không tặng cái áo này cho cô. Cô giữ lấy đến khi nào chú ấy ở ngoài Côn Đảo về thì để chú ấy mặc.” Chiến thắng Điện Biên, trở về Thủ đô, bận trăm công nghìn việc, vậy nhưng Bác vẫn đi công tác Sầm Sơn, Bác không ở nhà khách mà vào nghỉ lại tại đền thờ thần Độc Cước rồi tìm tới thăm hỏi bà con xóm chài, cùng kéo lưới với ngư dân... Và còn nữa, những câu chuyện dung dị, sâu sắc về Bác mà mỗi việc làm, mỗi cử chỉ, lời nói của Người đều được khắc ghi, trở thành nguồn động viên, khích lệ mọi người nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi thử thách

khó khăn để hướng tới một ngày mai tươi sáng, hòa bình, ấm no và hạnh phúc.

Suốt đời học Bác - cuốn sách giới thiệu mười sáu câu chuyện về Bác qua ghi chép từ lời kể “người thật việc thật” của nhà báo Kiều Mai Sơn, với những phát hiện và góc nhìn mới, chúng tôi hi vọng sẽ là món quà có ý nghĩa gửi tới bạn đọc nhân kỉ niệm 130 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Nhà xuất bản Kim Đồng

Người bảo vệ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Pác Bó

(Theo lời kể của cụ Hoàng Thị Đào⁽¹⁾, dân tộc Tày, quê xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, phu nhân của đồng chí Lê Quảng Ba)

*

Vào tiết cuối năm Canh Thìn (1940), trời rét, Lê Quảng Ba dẫn cả đoàn gồm bốn mươi một người được huấn luyện trong lớp quân sự của Trương Bội Công⁽²⁾ (do Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm làm trợ giáo), đi gấp về phía biên giới. Quá trưa thì đoàn đã gần tới Lục Tùng cách Tỉnh Tây (Quảng Tây, Trung Quốc) trên hai mươi cây số. Hai ngày sau đoàn về

(1) Cụ Hoàng Thị Đào (1925 - 2016), phu nhân Thiếu tướng Lê Quảng Ba (1915 - 1988) nguyên Tư lệnh Quân khu Việt Bắc. (Chú thích trong sách của tác giả. Các chú thích khác cũng ghi rõ). (BT)

(2) Trương Bội Công (1909 - 1945): Một người dân tộc chủ nghĩa. (BT)

đến vùng hoạt động cũ của các đồng chí Hà Quảng và được lệnh dừng chân lại ở hai làng của Trung Quốc là Nậm Quang và Ngàm Tẩy sát gần biên giới Việt - Trung để tuyên truyền vận động quần chúng.

Gần một tháng sau Bác cũng về tới Nậm Quang. Tại đây đoàn được dự một lớp huấn luyện chính trị do Bác đặt chương trình và trực tiếp chỉ đạo. Các đồng chí Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, biên soạn chương trình và trực tiếp giảng dạy.

Nhớ lại ngày “Bác Hồ về nước”, Thiếu tướng Lê Quảng Ba đã kể lại cho nhà văn Hà Minh Tuân ghi và được in trong tập hồi kí *Đầu nguồn* (NXB Văn học, 1975):

Vào kì hai tám, ba mươi Tết ở Nậm Quang, nhà nào cũng giết lợn. Có ngày hai ba nhà cùng mời ăn; Bác đến thăm hỏi từng gia đình, nói chuyện thân mật vui vẻ với người già bằng tiếng Pạc Và⁽¹⁾. Phong tục người Nùng ở Ngàm Tẩy không để khách ngủ ở nhà từ đêm ba mươi Tết đến trưa ngày mồng một,

(1) Tiếng Quảng Đông (Trung Quốc), một số huyện, làng thuộc Quảng Tây (Trung Quốc) cũng sử dụng thứ tiếng này. (BT)

Bác khuyên anh em lên lán ở. Ngày Tết người ta thường đưa tiền phong bao cho các cháu. Bác đã chú ý sớm đến tục lệ này. Bác cho đổi sẵn tiền xu. Tết đến, tất cả các cháu ở hai làng Nậm Quang, Ngàm Tẩy đều nhận được tiền phong bao của cán bộ Việt Nam, mỗi gói một xu đồng.

Tôi không quên được những buổi chiều lành lạnh, cơm nước xong, Bác ung dung dạo chơi với chúng tôi ở các nương sau làng. Trò chuyện thân vui, thoải mái như cha con một nhà.

Bác hỏi thăm từng người, chăm chú lắng nghe tôi kể về bước đầu giác ngộ cách mạng của tôi. Bác mỉm cười, nhìn tôi âu yếm, khi tôi kể lại buổi lễ tuyên thệ vào Đảng cách đây đã bảy năm. Bác hỏi:

- Thế ngày ấy chú có tin là cách mệnh rồi sẽ thành công không?

- Cháu có tin nhưng thấy còn xa xôi lắm. Cháu cứ nghĩ: chắc chắn mình sẽ được một phen sống mái với quân thù. Có thể mình chết mà chưa nhìn thấy cách mạng thành công.

Lớp huấn luyện kết thúc vào ngày cuối năm, các đồng chí Dương Hoài Nam (bí danh của

Võ Nguyên Giáp) và Lâm Bá Kiệt (bí danh của Phạm Văn Đồng) trở lại Tĩnh Tây. Năm đồng chí: Phùng Chí Kiên, Thế An, Đặng Văn Cáp, Hoàng Văn Lộc và Lê Quảng Ba được theo Bác từ Nậm Quang về nước...

Tiết xuân trời đẹp.

Chúng tôi ăn cơm sớm ở Nậm Quang, chào bà con, rồi lên đường.

Trong bộ quần áo chàm Nùng, Bác như gầy hơn. Ngược nhìn gương mặt sạm sương gió của Người, lúc này tôi mới chỉ nhận thấy một dáng vẻ ung dung, điềm tĩnh, rất thân quen.

Tôi dẫn Bác theo những vệt đường mòn, lượn giữa các nếp núi tiếp nối nhau ở vùng biên giới hướng về Cao Bằng. Bác cầm một cây gậy nhỏ nhưng chỉ khi xuống dốc Bác mới chống, chân Bác bước mau lẹ, dẻo dai như một thanh niên.

Bác vừa đi đường vừa nói chuyện. Tôi kể lại với Bác tin tức mới nhận được qua thư các đồng chí Cao Bằng gửi sang...

Vượt lên một đoạn dốc ngắn rồi xuống một sườn núi dài lởm chởm đá, hoa lau dọc sườn núi phớt nâu rung rinh trong nắng.

Đồng chí Lê Quảng Ba đã nhận ra cây *mây rẫy* (cây si) xum xuê như một cây đa cổ thụ, mọc không xa mốc đá 108. Mốc đá như một tấm bia, hai mặt có khắc chữ Trung Quốc và chữ Pháp.

Bác dừng lại cúi đọc những chữ khắc sâu trên đá. Rồi Người hướng tầm mắt nhìn vọng hồi lâu về dải đất Tổ quốc trùng điệp... Bác dừng lại một chút nữa bên một dãy ghề đá thiên nhiên có nhiều hình dạng. Người nhìn sâu vào khoảng đất trời Tổ quốc biết bao đẹp đẽ nhưng đang đầy đau thương.

Người đã xúc cảm những gì, đã suy nghĩ những gì trong giây phút lịch sử đó?

Đứng cạnh Bác trên cái mốc biên giới đã quen biết ấy, nghĩ tới quê hương thân thiết ruột rà, tôi cảm thấy mình vô cùng gần gũi Bác như đứa con yêu quý ở bên cha, như người chiến sĩ đứng sau lá cờ người tổng chỉ huy sẵn sàng nhận lấy nhiệm vụ khó khăn nhất.

Từ cột mốc 108 nhìn về Nam chỉ thấy những ngọn núi nhấp nhô.

Đồng chí Lê Quảng Ba dự định sẽ đưa Bác về ở tạm nhà sàn của gia đình ông Máy Lì,

người dân tộc Nùng, cơ sở cách mạng. Nhà ông đơn sơ gồm hai gian nhỏ và một gian mới làm thêm. Đến trưa Bác tới nơi. Ông Máy Lì ân cần đón tiếp Bác và cả đoàn. Bác ngồi uống nước, trò chuyện thân mật với ông Máy Lì như một người nhà vừa đi xa về.

Chợt Bác quay sang đồng chí Lê Quảng Ba nói nhỏ:

- Ta nhiều người nên ở trong núi thôi.

Ông Máy Lì nghe rõ, liền năn nỉ:

- Cụ và các bác cứ ở nhà đây tiện hơn, không sao đâu mà.

Bác mỉm cười với chủ nhà, tỏ ý cảm ơn. Trong thâm tâm mình, Bác thương gia đình ông Máy Lì, không muốn gia đình ông phải ở chật chội.

Bác nói có ý dứt khoát:

- Thôi, *sầu sán!* (Thôi, *ở rừng!*)

Không giữ được đoàn ở lại nhà mình, ông Máy Lì nói:

- Ở ngọn núi kề đây có hang kín đáo lắm, chỉ khi có thổ phỉ chúng tôi mới chạy tới thôi.

Ông Máy Lì dẫn đoàn đi về phía hang núi. Leo lên một đoạn đá lởm chởm thì mọi người đến cửa hang.

Đang trưa, nắng xuân. Nắng lọt qua các kẽ lá lọt vào hang. Một cái hang nhỏ nhưng đủ chỗ ở cho mấy người. Gần kề vách hang bên trong nổi lên một tháp đá thiên nhiên cao vượt đầu người; nước mưa bao năm đã mài gọt phần ngọn tháp trở thành một nhũ đá trắng. (Ít hôm sau Bác tạc nhũ đá này thành tượng Các Mác). Gió khô và lành lạnh vi vút cửa hang. Vào sâu trong hang không khí ẩm hơn. Hang ăn thông ra một con đường kín dẫn sang bên kia biên giới. Người ta gọi đó là hang *Cốc Bó* tức hang *Đầu nguồn*. Bác bằng lòng ở tạm đây.

Ông Máy Lì đem tới bốn tấm ván dài ngắn khắp khểnh, và một tấm cốt rách. Ván kê lên chỗ lõm phía trong, phía ngoài nền hang bằng phẳng hơn, chúng tôi lót cốt, cắt lá *mạ tẻc* rải đệm nằm cho đỡ lạnh và đỡ đau lưng. Tay chúng tôi rải lá mà lòng cứ chộn rộn xót thương! Bác ra đi lúc đương thì trai tráng, nay tóc Người đã có phần bạc, mà

chúng tôi không xếp đặt được cho Người một tấm giường êm, một mái nhà ấm!

Giữa khi ấy Bác từ dưới suối lên.

Bác gọi tôi, bảo dẫn Bác và anh Phùng Chí Kiên đi xem xét địa thế quanh hang. Bác lạnh lẽo tươi tỉnh tưởng như không phải vừa đi bộ từ sáng tới đây. Chúng tôi dừng lại bên bờ suối, rửa tay rửa mặt. Bác hồn nhiên nói với hai chúng tôi:

- Mình vừa nảy ra cái ý này: dòng suối của ta đẹp quá, trong xanh như ngọc ấy, lại bắt nguồn từ đây, nên đặt tên là suối Lê-nin. Còn ngọn núi hùng dũng kia, (Bác chỉ tay về phía sau bên trái) chúng ta gọi là núi Các Mác, các đồng chí thấy có được không?

Anh Kiên và tôi cùng cười, tán thưởng ý kiến của Bác.

Học Bác suốt đời

(Theo lời kể của đại tá Nguyễn Xuân Lương⁽¹⁾ sinh năm 1919, quê Thanh Oai, Hà Nội. Trước 1945, làm Chủ nhiệm Tạp chí Văn Mới và Giám đốc Nhà in Hàn Thuyên. Từ 1946, công tác tại NXB Quân đội Nhân dân, Tổng cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Pháo binh và Tổng cục Hậu cần)

*

Trong căn phòng trên gác hai phố Thuốc Bắc (quận Hoàn Kiếm, Hà Nội), người lính già đã chín mươi bảy tuổi đời điềm đạm kể lại từng kỉ niệm về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ hồi ông còn là cậu học sinh Trường Bưởi cho đến khi trở thành anh bộ đội Cụ Hồ.

“Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là thần tượng trong suốt cuộc đời của tôi, từ lúc tôi

(1) Đại tá Nguyễn Xuân Lương (1919 - 2019): Nguyên Phó Tổng biên tập Tạp chí Hậu cần - Bộ Quốc phòng.

trẻ cho đến trung niên và bây giờ ở tuổi gần đất xa trời vẫn nguyên vẹn như thuở ban đầu.” Đó là lời tâm sự của người cựu chiến binh qua câu chuyện đúc kết từ cuộc đời của ông...

Khi còn nhỏ, Nguyễn Xuân Lương được người chú là Nguyễn Xuân Dương, từng tham gia Việt Nam Quốc dân đảng của lãnh tụ Nguyễn Thái Học, vừa làm thầy dạy võ vừa đọc cho nghe những bài thơ yêu nước. Lớn lên, vào tiểu học, Nguyễn Xuân Lương lại là học trò của hai nhà giáo yêu nước Hoàng Đạo Thúy và Trần Trọng Kim. Chính những người thầy thuở đầu tiên ấy đã thổi vào tâm hồn non nớt của cậu bé tinh thần yêu nước, ghét thực dân lúc nào cậu không hề hay biết.

Học lên cấp 2 ở Trường Bưởi, chị gái của ông lập gia đình với nhà báo, nhà văn Trương Tửu. Từ đây, ngày ngày Nguyễn Xuân Lương lại được nghe anh kể nói đến những chiến sĩ cách mạng vô sản, đó là Các Mác, Lê-nin,

M. Gorky⁽¹⁾, L. Aragon⁽²⁾, P. Cutuyarie⁽³⁾... Đặc biệt, có một nhân vật mà Trương Tửu kể cho Nguyễn Xuân Lương nghe với nhiều huyền thoại khiến thực dân Pháp vô cùng đau đầu mà không thể nào bắt được, đó là Nguyễn Ái Quốc - Người Yêu Nước.

Tất cả những điều ông Trương Tửu kể lại cứ như những giọt nước thấm theo thời gian nuôi dưỡng tình yêu nước và tình yêu lãnh tụ trong người cậu thiếu niên Nguyễn Xuân Lương.

Trong kí ức của Nguyễn Xuân Lương thì khi ấy:

“Ông Trương Tửu nói Nguyễn Ái Quốc có vẻ như người thần thoại. Đối với một người mười mấy tuổi như tôi, nó ảnh hưởng lắm. Cho nên trong cuộc sống của tôi, Nguyễn Ái Quốc luôn gần gũi chứ không xa lạ.”

(1) Maksim Gorky (1868 - 1936): Nhà văn, người đặt nền móng cho trường phái hiện thực xã hội trong văn chương và cũng là một nhà chính trị người Nga. (BT)

(2) Louis Aragon (1897 - 1982): Nhà thơ, nhà văn, nhà chính trị Pháp. (BT)

(3) Pon Vayang Cutuyarie (1892 - 1937): Nhà văn, nhà báo, một trong những người sáng lập ra Đảng cộng sản Pháp. (BT)

Đến ngày mít tinh mừng 2 tháng 9 năm 1945 ở Quảng trường Ba Đình, Nguyễn Xuân Lương cùng các ông Trương Tửu, Nguyễn Đỗ Cung, Bùi Lão Kiều (tức nhà thơ Huyền Kiều), Chu Ngọc... đi dự buổi lễ Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*. Khi về, mọi người ai cũng phấn khởi, ông Trương Tửu còn hứng chí, giang hai tay ra, và hô vang: "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập muôn năm!"

Toàn quốc kháng chiến, cả năm anh em trai của gia đình ông Lương đều theo Nhà in báo Quân đội Nhân dân lên Việt Bắc.

Năm 1958, Tạp chí *Hậu cần* ra đời, Nguyễn Xuân Lương được chọn làm biên tập viên của Tạp chí. Trong thời gian làm việc, ông đã có những kỉ niệm với Chủ tịch Hồ Chí Minh mà ông không thể nào quên.

Khi ấy, tờ *Tin Hậu cần* ra được mấy số, ông Lương nghĩ rằng tờ tin nội bộ này cấp lãnh tụ không ai chú ý. Nhưng có hai số báo mà ông Lương phụ trách được Bác Hồ đọc. Bài thứ nhất ông viết về tám gương một anh chuẩn úy lái xe, giữ gìn xe tốt, bảo đảm

tiết kiệm xăng và ông thấy Bác ghi vào đầu đề là: “Cần đề bạt” và gửi lại cho đồng chí Lê Quang Đạo - Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị với lời dặn là phải tuyên truyền và đề bạt. Bài thứ hai ông Lương viết phê bình một anh thượng úy pháo binh phạm khuyết điểm dùng xe công để chở gỗ tư, lại là gỗ ăn cắp. Đọc xong, Bác viết mấy chữ đề trên trang báo: “Cần kỉ luật”, rồi lại gửi cho đồng chí Lê Quang Đạo...

Những kỉ niệm đó khiến ông Nguyễn Xuân Lương thấy cảm phục vô cùng vì ông nghĩ, tờ báo của mình có cái gì đâu, chẳng qua mình giới thiệu trong phạm vi ngành của mình thôi, mà cũng là phạm vi đơn vị cơ sở, thế mà Bác vẫn quan tâm.

Đến Tạp chí *Hậu cần*, khi ông Nguyễn Xuân Lương đề xuất và viết mục “Có gì cần nói”, thì dù bận bao nhiêu việc, Bác vẫn đọc và vẫn có ý kiến chỉ đạo rất rõ: “Mục này mới chỉ nói có phê bình, không nói kỉ luật.”

Trong thời gian làm biên tập viên Tạp chí *Hậu cần*, ông Nguyễn Xuân Lương được cử đi học nghiệp vụ báo chí do Hội Nhà báo

tổ chức. Một hôm, lớp học được đón Hồ Chủ tịch đến giảng bài và nói chuyện về thời gian Bác từng làm báo.

Ông Nguyễn Xuân Lương bồi hồi chia sẻ:

- Đến nay hơn nửa thế kỉ mà tôi vẫn còn nhớ như in. Bác có nêu vấn đề rằng: *Viết cho ai? Viết như thế nào? Viết để làm gì?* Lời Bác nói rõ như thế, đơn giản nhưng dễ vào trong đầu.

Đến đoạn nói chuyện với những anh chị em học viên, Bác kể ngày trước có đọc truyện ngắn của Lev Tolstoy⁽¹⁾ và Anatole France⁽²⁾, thì thấy cách viết truyện của những nhà văn ấy cũng đơn giản, dễ hiểu. Bác mới nghĩ người ta có thể viết được như thế này, tại sao mình không viết? Thế rồi Bác bắt đầu sáng tác những truyện ngắn liên quan. Tôi nhớ cả cách phát âm của Bác. Ví dụ từ *Anatole France* thì tôi phát âm vẫn là giọng người Việt Nam nói tiếng Pháp vì trước đây tôi học ở Trường Bưởi. Nhưng Bác

(1) Lev Nikolayevich Tolstoy (1828 - 1910): Nhà văn Nga nổi tiếng. (BT)

(2) Anatole France (1844 - 1924): Nhà thơ, nhà báo, tiểu thuyết gia người Pháp đoạt giải Nobel Văn học năm 1921. (BT)

phát âm như Tây. Nghe giọng Bác đến bây giờ tôi vẫn nhớ văng vẳng, đủ thấy nó ảnh hưởng vào tôi sâu sắc như thế nào. Cho nên trong cuộc đời của tôi, tôi thấy những điều Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dạy cho bộ đội, thường dạy cho những người cán bộ, chúng tôi cần học suốt đời...

Chủ tịch Hồ Chí Minh với nền văn hóa Việt Nam những ngày đầu cách mạng

Văn hóa luôn là vấn đề được Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm. Kế tục sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kì đổi mới và quá độ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng, Nhà nước và Chính phủ phát động toàn dân xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong cuốn sách này, chúng tôi xin giới thiệu bài tường thuật buổi làm việc của Hồ Chủ tịch về văn hóa với đại biểu Đoàn Văn hóa lâm thời Bắc Bộ đã được đăng trên Tạp chí *Tri Tân* số 205, tháng 9 năm 1945, trang 4-5.

Tri Tân là tạp chí có khuynh hướng dân tộc, yêu nước chuyên về khảo cứu, số 1 ra ngày 3 tháng 6 năm 1941, trụ sở đặt tại 349 Phố Huế - Hà Nội, do cụ Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng làm chủ nhiệm. Đầu đặn ra hằng tuần, *Tri Tân* đã thu hút được đông đảo các cây bút có uy tín thời đó như Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố (sau là Chủ tịch Quốc hội đầu tiên), Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, Chu Thiên Hoàng Minh Giám (nhà văn, tác giả *Bóng nước Hồ Gươm*), Biệt Lam Trần Huy Bá, Đặng Thai Mai (nguyên Viện trưởng Viện Văn học, Giải thưởng Hồ Chí Minh 1996), Vệ Thạch Đào Duy Anh (Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000), Kiều Thanh Quế... và các cây bút trẻ mới xuất hiện nhưng sớm gây được tiếng vang như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi...

Năm giờ chiều ngày 7 tháng 9 năm 1945, ban quản trị Đoàn Văn hóa lâm thời Bắc Bộ đang họp tại nhà văn hóa (hội Khai trí Tiến đức cũ) thì có tin điện thoại của Bộ Ngoại giao cho biết rằng Cụ Hồ Chí Minh - Chủ tịch

Chính phủ lâm thời muốn hội đàm với đại biểu Đoàn Văn hóa vào lúc khoảng 19 giờ.

Ba ông: Trương Tửu, Thượng Sĩ, Nguyễn Đức Quỳnh do ông Nguyễn Hữu Đang hướng dẫn, lên Bắc Bộ phủ để yết kiến Cụ Hồ Chủ tịch.

Biết tiếng Cụ đã lâu, lần đầu được gặp Cụ trong bộ y phục quá giản dị, ba vị khách không giấu nổi sự cảm động. Nét mặt gân guốc, đôi mắt quắc thước, điệu bộ hồn nhiên bộc lộ một tinh thần tranh đấu cương quyết và một tâm hồn nhân đạo, chân thành.

Sau mấy lời giới thiệu của ông Nguyễn Hữu Đang, ông Trương Tửu nhân danh Chủ tịch Ủy ban Văn hóa lâm thời Bắc Bộ Việt Nam, chào mừng Cụ Hồ, tán thành cuộc cách mạng dân chủ vừa giành thắng lợi và đặt lòng tin nhiệm vào tài năng sáng suốt của Cụ trong công việc lãnh đạo dân tộc.

Lời nói thung thảng và rành rọt, Cụ Hồ cảm ơn các thành viên trong giới văn hóa:

- Theo ý riêng của tôi, - Cụ Hồ nói, - trong công cuộc giải phóng dân tộc và kiến thiết một nước Việt Nam mới, nhiệm vụ của các ngài trong giới văn hóa cũng rất nặng nề

và quan trọng. Dân tộc chúng ta đã bước sang một giai đoạn mới, tất nhiên phải có một chính thể mới và một văn hóa mới. Khi chúng ta còn bị nô lệ thì văn hóa của chúng ta cũng mang nặng những dấu tích nô lệ. Bây giờ độc lập, văn hóa cũng phải có những dấu tích độc lập. Phải độc lập trước đã rồi văn hóa mới phát triển được. Dân tộc còn bị áp chế, hàng triệu đồng bào chúng ta vẫn còn chết đói đầy đường thì các ngài có thể ngồi trong tháp ngà mà sáng tác được không? Tôi mong rằng các ngài trong giới văn hóa nhận thấy rõ nhiệm vụ của các ngài trong lúc này là: Cùng cố nền độc lập của Việt Nam, sửa soạn cho đất nước một văn hóa mới và phải làm thế nào cho văn hóa Việt Nam sẽ chiếm được một địa vị trong nền văn hóa thế giới.

- Thưa Cụ, - ông Trương Tửu đáp lại, - toàn thể anh em trong giới văn hóa chúng tôi, bao lâu nay, vẫn sống trong sự áp bức ngột ngạt của chính sách thực dân. Tuy vậy dù cường quyền áp bức đến bậc nào, anh em chúng tôi cũng vẫn cố gắng vươn đến một ánh sáng, vươn đến độc lập và tự do.

Ngày nay sự nghiệp giải phóng của dân tộc đã thực hiện một phần rất lớn. Các ánh sáng tự do cần thiết cho sự phát triển của văn hóa mà chúng tôi hằng khao khát đã nhờ sự giải phóng ấy mà bắt đầu tung bừng, cho nên đối với chúng tôi, tranh đấu cho nền độc lập của nước nhà trong lúc này cũng tức là tranh đấu cho sự giải phóng của nền văn hóa Việt Nam.

Cụ Hồ Chủ tịch gật đầu tỏ ý bằng lòng:

- Bốn phận của các ngài là lãnh đạo tư tưởng của quốc dân, tranh đấu cho nền độc lập và kiến thiết một nền văn hóa mới. Cái văn hóa mới này cần phải có tính cách khoa học, tính cách đại chúng thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại.

Cụ nói tới đây thì ông Nguyễn Đức Quỳnh xin phép Cụ trình bày một vài ý kiến:

- Thưa Cụ, Cụ đã nói đến tính cách khoa học của văn hóa mới, chúng tôi xin đề cập đến sự hợp tác của các nhà kĩ thuật, chuyên môn trong công việc kiến thiết quốc gia. Theo chỗ chúng tôi nhận xét, ít lâu nay thì các nhà kĩ thuật chuyên môn trong công việc kiến thiết quốc gia hình như vẫn còn chút ít

ngần ngại khi muốn hợp tác với Chính phủ để thi thố tài năng của mình. Họ là những người sống bằng kĩ nghệ và chỉ muốn làm việc cho kĩ thuật. Họ muốn được quyền đứng ngoài những xu hướng chính trị của đảng phái để phụng sự Tổ quốc.

Khi ấy, mắt Cụ Hồ sáng hẳn lên. Cụ với tay cầm quản bút ghi trên một tờ giấy để trước mặt Cụ (các vị khách thấy Cụ ghi bằng chữ Hán), Cụ đặt quản bút xuống chậm rãi nói:

- Tôi nhờ ngài thanh minh với tất cả những anh em trong giới kĩ thuật chuyên môn rằng: Nước Việt Nam không phải của Việt Minh. Nước Việt Nam là của quốc dân Việt Nam. Chính phủ lâm thời hiện thời này không phải là của Việt Minh mà là của toàn thể quốc dân.

Cụ dừng lại giơ tay phải lên như muốn xua đuổi một điều ngộ nhận của nhiều người đối với Chính phủ, và nói tiếp:

- Đây ngài xem... Trong Chính phủ lâm thời có cả vua, quan lại cũng có, địa chủ cũng có, nông dân cũng có, công nhân cũng có. Đây là một Chính phủ Liên hiệp quốc gia,

không có màu sắc quốc gia nào lẫn át cả. Lúc này, bất cứ người nào miễn là có tài và dùng phản cách mạng thì đều có thể phụng sự được quốc gia, toàn quốc. Trong lúc chung quanh mình bao nhiêu người đói khát, mình có thừa thóc gạo, phải đem mà giúp ích cho đồng bào. Nếu có thể mà lúc này không đem tài năng ra phụng sự quốc dân thì không những quốc dân có quyền chê trách mà ngay đến chính anh có tài đó cũng phải chê trách.

Chùng như có một ý kiến gì mạnh mẽ mới nảy ra trong óc Cụ, mắt Cụ bỗng trở nên hân hoan và nghiêm trọng. Ánh mắt Cụ như lắng sâu vào trào lưu tiến hóa của lịch sử. Và Cụ nói:

- Thật chưa bao giờ dân nước chúng ta có một sự đoàn kết rộng đến thế. Bốn phận chúng ta ngày nay - bốn phận của các ngài là làm sao cho sự đoàn kết rộng ra, càng ngày càng sâu xuống, phải củng cố sự đoàn kết ấy cho nó bắt rễ xuống, cho nó bền chặt mãi.

Cụ dừng lại, cảm động, gian phòng im lặng.

Sợ mất thêm nhiều thì giờ của Cụ, ông Trương Tửu liền tường trình đại cương công việc của Đoàn Văn hóa lâm thời Bắc Bộ Việt Nam đang tiến hành:

1. Tổ chức cuộc trưng bày văn hóa.

2. Dự thảo một chương trình của tuần lễ văn hóa.

3. Vận động đại hội nghị toàn quốc văn hóa.

Nghe nói tiếng "toàn quốc", Cụ Hồ gật đầu:

- Đại hội nghị toàn quốc văn hóa... phải, phải làm thế mới được. Từ trước đến giờ, chính sách thực dân Pháp đã chia rẽ chúng ta nhiều lắm rồi. Tôi mong rằng các ngài cố gắng làm được như thế, tổ chức mau chóng cuộc đại hội nghị văn hóa toàn quốc, gây được mối liên lạc mật thiết của quốc dân và văn hóa. Chính phủ sẽ giúp đỡ các ngài những phương tiện để thực hành công việc đó.

Cuộc gặp gỡ đã kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Ông Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ mở cửa phòng bước vào, rút đồng hồ ở túi ra ghé tai Cụ Hồ báo cáo việc gì đó...

Các vị khách đoán rằng Cụ sắp phải tiếp đoàn đại biểu của giới khác nên vội đứng dậy. Ông Trương Tửu thay mặt anh em trong Đoàn Văn hóa lâm thời cảm ơn Cụ một lần nữa. Cụ cũng đứng dậy, nhờ các vị khách chuyển lời chào của Cụ đến tất cả anh em trong giới văn hóa, và ngỏ ý mong anh em đoàn kết chặt chẽ với quốc dân để cùng tranh đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sau khi bắt tay Cụ Hồ Chủ tịch, ba vị khách lui về, trong lòng chan chứa cảm tình thành thực và tín nhiệm đối với Cụ Chủ tịch Chính phủ lâm thời.

Từ sức hấp dẫn lôi cuốn diệu kì của Bác Hồ

"Đầu tháng 9 năm 1946, con tàu Dumont d'Urville vẫn chưa sửa sang nên những vị khách đặc biệt lên tàu để về Việt Nam, gồm Chủ tịch Hồ Chí Minh, thư kí Đỗ Đình Thiện, đại tá cận vệ Vũ Đình Huỳnh, kĩ sư Võ Quý Huân, kĩ sư Trần Đại Nghĩa, bác sĩ Trần Hữu Tước và kĩ sư Võ Đình Quỳnh, lại phải chờ và đợi. Một buổi trưa, khoảng một giờ rưỡi, bỗng Hồ Chủ tịch vào buồng nói với bác sĩ Trần Hữu Tước:

- Chú đi chơi vườn hoa với Bác!

Vội bỏ sách đang đọc, quần áo chỉnh tề, bác sĩ Trần Hữu Tước đi theo, hai người lững thững

ra công viên nổi tiếng ở Kandy. Giữa cảnh hoa thơm cỏ lạ, buổi chiều hôm đó thật khó quên. Câu chuyện thật liên miên, đầy hứng thú, hai người trí thức cùng nói chuyện về văn học. Điều kì lạ giữa "Người công dân số một" của đất nước và vị bác sĩ trẻ tuổi là cả hai đều rất thích tác phẩm của văn hào cận đại, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp: Anatole France, vậy nên bác sĩ Trần Hữu Tước đã có thể kể lại những chuyện ngoài lề về cuộc đời súc tích của con người đa dạng này. Nguyễn - Người Yêu Nước - càng vui, mỉm cười và hỏi:

- Chú có nhớ thơ văn Việt Nam không?

Thế là một dịp hồ hởi, hăng say, bác sĩ Trần Hữu Tước đọc những vần thơ của Nguyễn Bình Khiêm, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi... Đương trong lúc cuộn cuộn nhớ lại, bác sĩ Trần Hữu Tước đột ngột và tự nhiên níu lấy cánh tay áo của Hồ Chủ tịch nói:

- Thưa Bác, có câu nào mạnh và lạ, dùng ngược, rất đẹp như "Hương dương lòng thiếp như hoa?"⁽¹⁾

Hồ Chủ tịch ung dung, khẽ gật đầu:

(1) Lời trong Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn. (BT)

một con người mà Giáo sư vô cùng yêu quý, khâm phục và một lòng một dạ tin tưởng đi theo Người, cho đến trọn cuộc đời mình, vì nhân cách cao cả cùng sự uyên thâm của Người: một nhà văn hóa lớn, một người yêu nước thương nòi sâu sắc. Đối với Giáo sư Trần Hữu Tước, Hồ Chủ tịch là hiện thân đầy đủ của sự kiên trì lí tưởng Giải phóng và Cách mạng cho dân tộc Việt Nam.

Nhân dịp kỉ niệm lần thứ 121 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, kỉ niệm 100 năm Ngày Bác Hồ của chúng ta ra đi tìm đường cứu nước,⁽¹⁾ tôi lần giở lại những trang hồi kí của Giáo sư Trần Hữu Tước - dù được viết ra cách đây gần nửa thế kỉ - song những trang hồi kí đã khắc họa được một cách rõ nét bước ngoặt cuộc đời của chính ông, một thầy thuốc, một trí thức Việt Nam trẻ tuổi được đào tạo bài bản về y khoa ở Pháp, có lòng yêu nước và khao khát cống hiến, đã lên đường theo Bác Hồ về với quê hương xứ sở, về với biết bao khó khăn thử thách của hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc;

(1) Tác giả viết bài này vào năm 2011. (BT)

bỏ lại đằng sau một tương lai vật chất và nghề nghiệp hứa hẹn trên đất Pháp.

Cũng những dòng tâm sự sau đây của chính Giáo sư Trần Hữu Tước trong cuốn hồi kí này, ông viết:

"Nỗi sung sướng không bút nào tả nổi khi một buổi sáng thu bình con mắt dậy, thấy mình tự do!"

Đó là năm 1945, bác sĩ Trần Hữu Tước, trợ lí giáo sư Khoa Tai Mũi Họng tại Bệnh viện Nhi khoa Necker, được tin Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tuyên bố trước toàn thế giới: Nước Việt Nam độc lập.

Bản chất thiết tha muốn có công bằng, tiến bộ cho đất nước, nay phải làm gì cho xứng đáng với nền Độc lập, Tự do của Tổ quốc mới giành lại được sau hơn tám mươi năm nô lệ đây? Sau những phút giây trần trọc suy nghĩ, thấy mình không thể tọa hưởng cuộc đời mới vô ngàn quý báu, biết bao nhiêu hi sinh xương máu mới hình thành nên được, thế là ông quyết tâm về nước. Một quyết định nhẹ nhàng dấu ông hiểu rằng

trước mắt sẽ đầy rẫy những gian nan, thử thách ý chí người trí thức.

Người thầy quý mến của ông, lúc ấy đã hơn sáu mươi tuổi, biết không thể nào ngăn được bước chân học trò, khi chia tay đã cảm động nói:

- Anh bây giờ có Tổ quốc độc lập rồi, về phục vụ là phải, tuy tôi như mất một cánh tay!

Người thầy ấy còn dặn dò thêm:

- Không bao giờ được bỏ nghề chuyên môn đã dày công trau dồi!

*

Cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bác sĩ Trần Hữu Tước phụ trách cứu thương cho Trung đoàn Thủ đô suốt sáu mươi ngày đêm chiến đấu trong nội thành Hà Nội.

Tháng 2 năm 1947, ông cùng các chiến sĩ rút khỏi Hà Nội ra vùng kháng chiến. Rời Thủ đô thân yêu, ông mang theo 30kg dụng cụ chuyên khoa đi kháng chiến. Tiếp đó là hai năm ở Liên khu 3, ông theo Trường Y sĩ

di chuyển đến ba mươi địa điểm thuộc nhiều vùng nông thôn rộng lớn để tuyên truyền phòng bệnh, chữa bệnh cho bộ đội và nhân dân.

Từ cuối năm 1948, do chưa quen với khí hậu và làm việc nhiều, ông lâm bệnh, sức khỏe giảm sút. Biết tin, Bác Hồ đã biên thư ra lệnh, yêu cầu ông nghỉ ngơi để an dưỡng nhưng ông vẫn cố gắng làm việc. Ông cũng kiên quyết từ chối những lời mời trở lại làm việc trong vùng tạm chiếm với nhiều ưu đãi.

Năm 1951, bác sĩ Trần Hữu Tước được đi chữa bệnh tại Trung Quốc.

Rồi chiều hôm đó, trong khu rừng Việt Bắc, ánh mặt trời còn trên đầu ngọn cây, bác sĩ Trần Hữu Tước sắp lên xe. Bỗng có tiếng ngựa phi, nhíp nhàng nước đại... Bác Hồ đến tiễn!

Thấy ông gầy gò, dơ cả xương mà chỗ ngồi, chỗ tựa, ghế xe zip rất cứng, Bác gọi lấy hai chiếc gối cỏ để chèn cho khỏi xóc đường trường, rồi thấy đầu ông có thể va vào khung sắt của mui xe, Bác lấy ngay chiếc mũ của Bác chụp lên đầu cho ông và lần nữa Bác dặn ông cẩn thận!

Xe chuyển bánh, Bác đứng một lúc, vẫy tay, rồi Bác nhảy lên ngựa và lúc bác sĩ Trần Hữu Tước ngoái đầu lại, chỉ còn thoảng nhìn thấy bóng ngựa hồng hồng ánh chiều tỏa xuống...

Trong những năm kháng chiến chống Pháp ấy và những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội sau này, Giáo sư Trần Hữu Tước đã vượt lên bao khó khăn, thiếu thốn, vất vả, chấp nhận có thể hi sinh để vươn lên trở thành một tấm gương sáng về ý đức và trí tuệ của người thầy.

Nhớ ông, bao học trò thành danh đều dành cho ông sự ngưỡng mộ và lòng thành kính, bao bệnh nhân được ông chữa bệnh coi ông như một ông tiên ngoài đời về sự tận tâm, sẻ chia nghèo khổ với họ, kể cả bớt phần lương ít ỏi của mình cho người bệnh nghèo. Tấm lòng son đối với Bác Hồ, đối với Đảng của ông không gợn chút bụi mờ.

Còn nhớ, ngày 10 tháng 1 năm 1967, Bệnh viện Bạch Mai tung bừng đón danh hiệu Anh hùng Lao động mà Nhà nước trao tặng cho

Giáo sư Trần Hữu Tước, Giám đốc Bệnh viện. Hôm ấy, sau khi nhận bó hoa tươi thắm của đồng nghiệp trao tặng, Giáo sư Trần Hữu Tước đã trao tặng ngay lại cho đồng chí Vũ Văn Quyết, Bí thư Đảng ủy Bệnh viện với lời tâm sự đầy xúc động: "Năm nay tôi đã năm mươi ba tuổi, nhưng thực ra tôi mới chỉ sống có hai mươi năm, còn ba mươi ba năm trước là những năm sống không ra sống. Nếu không có sự giúp đỡ và giáo dục của Đảng và Bác Hồ thì tôi mãi mãi sẽ thành con người lưu vong, cả cuộc đời sẽ không tìm thấy ý nghĩa..."

Trong những ngày cuối cùng nơi giường bệnh, biết mình không qua khỏi vì căn bệnh hiểm nghèo, Giáo sư Trần Hữu Tước đã lấy trong túi tấm thẻ đảng viên đưa cho con gái đầu lòng và dặn: "Sau khi bố qua đời, con mang thẻ đảng này nộp cho đồng chí Bí thư, đừng đưa sớm hơn!" với ý muốn là để tránh gây xúc động trong Đảng bộ, cơ quan.

Bác sĩ Trần Tổ Dung, con gái của Giáo sư Trần Hữu Tước chia sẻ với chúng tôi rằng, mới đây, bà theo dõi cuộc trò chuyện của

Đại tá Trần Trọng Trung trên Đài Truyền hình. Bà đã bật khóc vì xúc động. Người cựu chiến binh gần chín mươi tuổi ấy, từng trải qua hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, khi tâm sự với thế hệ trẻ đã nói như thế này: "Thế hệ chúng tôi tự hào đã rửa được cái nhục mất nước và nô lệ để có được đất nước độc lập và hoàn toàn thống nhất hôm nay." Đó cũng chính là câu mà cha bà, Giáo sư Trần Hữu Tước vẫn thường hay nói...!

Bác sĩ Trần Tổ Dung bồi hồi tâm sự tiếp:

- Những lời nói đó của thế hệ cha ông đi trước, bất kể người đó là ai, làm gì, xuất thân như thế nào, miễn là người Việt Nam, với lòng yêu nước nồng nàn, và những sự hi sinh vô bờ bến vì một mục tiêu kiên định là Độc lập, Tự do cho đất nước, là những lời thiêng liêng nhắc gửi thế hệ của tôi và những thế hệ tiếp nối mai sau: Những hi sinh sẽ không uổng phí khi mỗi chúng ta hiểu được rằng để có một nền Độc lập và Tự do vĩnh viễn chúng ta còn cần phải thoát khỏi đói nghèo và lạc hậu nữa! Đó cũng chính là ước mơ được chia sẻ, hi sinh, cống hiến, học hỏi,

xây dựng, vì sự tiến bộ của đất nước, ngày mai, mà cha tôi mong muốn để lại.

Chính ông đã từng gửi gắm những điều này, trong một bức thư gửi cho tôi, khi tôi tròn hai mươi tuổi: “Hạnh phúc thật ra, con nhớ lấy, phải tự mình làm nên, nhường chia vì người khác ta sẽ càng đầy đủ!” Cuộc đời của cha tôi đã là một tấm gương về sự hi sinh và chia sẻ, không một chút nuối tiếc và ân hận vì hạnh phúc được sẻ chia số phận mình với số phận của đất nước, dân tộc. Đối với ông, niềm hạnh phúc được san sẻ lớn lao hơn bất cứ điều gì khác!

*

Giáo sư, bác sĩ Trần Hữu Tước (13.10.1913 - 23.10.1983), là người sáng lập và xây dựng ngành Tai Mũi Họng Việt Nam, Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai (1956 - 1969), Chủ nhiệm Bộ môn Tai Mũi Họng Trường Đại học Y khoa Hà Nội (1955 - 1983), Chủ tịch Hội Tai Mũi Họng Việt Nam (1961 - 1983), Viện trưởng đầu tiên của Viện Tai Mũi Họng Trung ương (từ 1969), Đảng viên Đảng Cộng sản

Việt Nam (1960), đại biểu Quốc hội (khóa II, III, IV), Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch đầu tiên của Tổng hội Y học Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

Với những đóng góp của mình cho sự nghiệp y tế cách mạng của dân tộc, ông được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động (1966), Huân chương Độc lập hạng Nhất (1983), truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và Kỹ thuật đợt I (1996), được tặng Kỉ niệm chương của Trung đoàn Thủ đô. Thành phố Hà Nội đã dành một đường phố thuộc phường Nam Đồng, quận Đống Đa mang tên Giáo sư Trần Hữu Tước.

Người trí thức dẫn thân

Ngày 22 tháng 6 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Paris. Đứng trong đoàn đại biểu Việt kiều ra đón thượng khách của Chính phủ Pháp tại sân bay, Phạm Quang Lễ ngạc nhiên thấy vị Chủ tịch nước ăn mặc rất giản dị với nét mặt hiền từ, vui vẻ, khiêm tốn và đôi mắt rất sáng. Qua bác sĩ Hoàng Xuân Mãn (em ruột Giáo sư Hoàng Xuân Hãn), Chủ tịch Hội Việt kiều ở Pháp, chỉ ba ngày sau khi Hồ Chủ tịch đến Paris, kĩ sư Phạm Quang Lễ được tiếp kiến Người.

Những ngày Bác ở trên đất Pháp và trên đường về nước, ông được thường xuyên đi theo Bác. Chính điều này đã có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời cách mạng của ông.

Một lần, Bác hỏi Phạm Quang Lễ: “Nguyên vọng của chú lúc này là gì?” Ông trả lời ngay điều đã ôm ấp từ buổi đầu xuất ngoại: “Dạ thưa, nguyên vọng cao nhất là được trở về Tổ quốc cống hiến hết năng lực và tinh thần.”

Ngày 8 tháng 9 năm 1946, Hồ Chủ tịch cho kĩ sư Phạm Quang Lễ biết là Hội nghị Fontainbleau không thành công. Người nói: “Bác về nước, chú chuẩn bị về cùng Bác, hai ngày nữa ta lên đường.” Bảy giờ sáng một ngày trung tuần tháng 9 năm 1946, xe lửa đến ga Lyon rồi tạm nghỉ. Hồ Chủ tịch hỏi kĩ sư Phạm Quang Lễ:

- Đời sống ở trong nước còn đang rất khó khăn, chú về nước có chịu nổi không?

Phạm Quang Lễ trả lời:

- Thưa, tôi chịu nổi.

- Ở trong nước không có kĩ sư, công nhân, về vũ khí, máy móc thiếu, liệu chú có làm việc được không?

- Thưa, tôi tin là làm được vì tôi đã chuẩn bị mười một năm ở bên Pháp.

Xa Tổ quốc mười một năm, về đến Hà Nội chỉ được nghỉ có bảy ngày, kĩ sư Phạm Quang Lễ phải lên ngay xưởng quân giới Giang Tiên ở Thái Nguyên, nghiên cứu chế tạo súng chống xe tăng, dựa theo mẫu súng Bazoka của Mỹ với hai viên đạn dự trữ do Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu cung cấp. Công việc mới bắt đầu được ít ngày thì ông nhận được điện của Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu gọi về Hà Nội gấp để gặp Hồ Chủ tịch.

Ngày 5 tháng 12 năm 1946, Hồ Chủ tịch cho mời kĩ sư Phạm Quang Lễ đến Bắc Bộ Phủ (nay là Nhà khách Chính phủ, 12 Ngô Quyền). Bác thân mật nói:

- Kháng chiến sắp đến nơi rồi, hôm nay tôi gọi chú đến để trao cho chú nhiệm vụ làm Cục trưởng Cục Quân giới. Chú lo vũ khí cho bộ đội diệt giặc.

Bác nói tiếp:

- Việc của chú là việc đại nghĩa, vì thế kể từ nay, Bác đặt tên cho chú là Trần Đại Nghĩa. Dùng bí danh này để giữ bí mật cho chú và để bảo vệ cho gia đình, bà con chú

còn ở trong Nam. - Bác giải thích rất dí dỏm:
- Một là họ Trần, không có họ với Bác, đây là họ của Trần Hưng Đạo. Hai là, *Đại Nghĩa* là *nghĩa lớn* để chú nhớ đến nhiệm vụ của mình với nhân dân, với đất nước. *Đại Nghĩa* còn là chữ của Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô đại cáo*: "Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, dĩ chí nhân nhi địch cường bạo." Chú có ung bí danh đó không?

*

Bà Nguyễn Thị Quang, cán bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh, con dâu trưởng của Viện sĩ Trần Đại Nghĩa kể cho tôi nghe những kỉ niệm về cha chồng mình:

- Bác Hồ biết tất cả những sở thích của ba tôi... Còn về nghiên cứu khoa học thì ba tôi vẫn thường hay kể với các con cháu: Bác Hồ không chỉ tin cậy trao nhiệm vụ làm Cục trưởng Cục Quân giới mà còn tạo điều kiện tối đa để ba tôi say sưa làm việc. Bác cho phép ba tôi được gặp bất cứ lúc nào và có toàn quyền hành động trong việc chế tạo vũ khí, không

phải thông qua bất kì cấp lãnh đạo nào. Đây là một sự ưu ái rất nhiều ý nghĩa.

Sau này, ba tôi trải qua nhiều chức vụ quản lí và lãnh đạo: Cục trưởng Cục Pháo binh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết Cơ bản Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Công thương, Chủ tịch đầu tiên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại biểu Quốc hội khoá II, III... Mỗi khi gặp điều gì khó khăn hay có vấn đề gì cần đề xuất là ba tôi được gặp trực tiếp Bác Hồ để xin ý kiến chỉ đạo nên giải quyết công việc rất kịp thời.

*

Ngay những ngày cuối cùng của cuộc đời, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa vẫn nhắc đi nhắc lại:

"Tôi nhớ mãi mãi Bác Hồ kính yêu, vô cùng biết ơn Bác cho theo về nước, Bác luôn luôn chăm sóc và hướng dẫn tôi, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã cho tôi các cương vị để có thể hoàn thành

nhiệm vụ của đời tôi một cách có hiệu quả nhất và cái tên mà Bác đã đặt cho tôi cũng luôn luôn nhắc nhở tôi.

Hằng năm cứ đến các ngày mừng 10 tháng 9 (năm 1946, rời Paris về nước), ngày 20 tháng 10 (năm 1946, về đến Tổ quốc) và ngày mừng 5 tháng 12 (1946, Bác trao nhiệm vụ Cục trưởng Cục Quân giới và đặt bí danh Trần Đại Nghĩa) lại làm cho tôi nhớ đến quá khứ một cách rất cảm động. Đó là những kỉ niệm lịch sử trong cuộc đời của tôi, càng nghĩ tôi càng cảm động, càng thấm thía công ơn của Bác, lòng thương yêu của Bác đã dành cho tôi. Bác luôn luôn là hình ảnh thiêng liêng nhưng rất gần gũi với tôi. Trong tâm khảm tôi, một bên là ba má và chị tôi, còn một bên là Bác Hồ."

Sau khi ông mất (ngày 9 tháng 8 năm 1997), tên của Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa đã được đặt cho ba con đường ở ba thành phố lớn nhất của đất nước là Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng... Nhớ ông, người ta nhớ đến một

hoài bão lớn, một tình yêu lớn và một niềm tin vô hạn với Đảng, với Bác Hồ và nhân dân.

*

Năm 1975 khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, có một người đàn ông đã ngoài sáu mươi tuổi theo dòng sông Măng Thít trở về quê sau bốn mươi năm xa cách nơi chôn nhau cắt rốn. Người nhỏ nhắn và gầy gò, ông đứng lặng bên mộ mẹ và cha mà nước mắt tuôn trào: "Con đã về đây, đã làm theo đúng lời nguyện ước của ba, má khi xưa, đã học hành thành đạt và đã cống hiến hết sức mình cho Tổ quốc!"

Đó là Thiếu tướng, Giáo sư, Viện sĩ, Anh hùng Lao động, Bộ trưởng Trần Đại Nghĩa.

Quê nội của ông ở Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhưng ông sinh ra tại quê ngoại, ấp 6, xã Xuân Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, tuổi thơ Phạm Quang Lễ (tên khai sinh của Giáo sư Trần Đại Nghĩa) gắn chặt với dòng sông Măng Thít hiền hòa thơ mộng, hai bờ bát ngát dừa và cây trái.

Mẹ ông, cụ Lý Thị Diệu (1881 - 1941), một người phụ nữ sắc sảo, độ lượng, sùng đạo Phật và luôn làm việc phúc đức, giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn, trẻ mồ côi, người tàn tật. Cha ông, cụ Phạm Quang Mùi (1882 - 1920), vốn là một người uyên bác chữ Hán vì thời thế thay đổi nên chuyển sang học tiếng Pháp, đỗ Thành chung rồi tốt nghiệp trường Sư phạm, về dạy lớp nhất, lớp cuối cấp của Tiểu học Pháp - Việt, tại thị xã Vĩnh Long.

Nhớ đến cha là trái tim ông thắt lại bởi khi còn là cậu bé lên tám tuổi, ông đã phải chứng kiến giờ phút lâm chung của người cha thân yêu. Cha ông đã trăng trối với ông: "Con phải gắng học để trở thành người hữu ích, sau này giúp đỡ người nghèo khổ!"

Sau này, Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã viết:

"Tuổi trẻ thật là quý giá. Khi đã định hướng là khi ta không đánh mất mình trong dòng đời trôi nổi. Tuổi trẻ đủ sức mạnh giúp ta đứng dậy mỗi khi bị sức mạnh phũ phàng đánh ngã. Tuổi trẻ đủ dũng khí vượt lên trên con đường lẻ loi, âm thầm để đi tới tương lai. Tuổi trẻ khát khao tình yêu và cuộc sống,

song khi đã có chí hướng, tuổi trẻ lại có thể dồn toàn bộ khát vọng cho tình yêu lớn. Bây giờ tôi muốn nói lại với các con tôi và tất cả các bạn trẻ như vậy. Đó là kinh nghiệm sống của đời tôi."

Nhờ nhà báo Vương Quang Ngươu (1897 - 1938) một Việt kiều từ Pháp về, làm việc tại Tòa bố chính Mỹ Tho, là một trí thức yêu nước vận động Hội Ái hữu Trường Chasseloup Laubat (nay là Trường THPT Lê Quý Đôn - Thành phố Hồ Chí Minh), ông đã được cấp một năm học bổng để lên tàu sang Pháp, theo học một lớp dự bị, sửa soạn thi vào đại học. Ông tự hứa sẽ làm tròn tâm nguyện của cha và đền đáp công lao của mẹ.

Mong muốn của Phạm Quang Lễ là ngoài việc học về kĩ thuật dân dụng còn tìm cách học cho kì được kĩ thuật chế tạo vũ khí để giúp nước đánh đuổi giặc Pháp. Ông tự nhủ đó là nghĩa vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc.

"Từ khi mới ra đi, tôi vẫn có ý định học vũ khí. Ý định đó được củng cố ngay trên đường viễn dương, khi con tàu đi qua kênh Sue, tôi được tin cuộc chiến tranh Italia và Ethiopia

bùng nổ. Những năm tôi du học bên Pháp là thời kì thế giới rung chuyển bởi chiến tranh. Tôi không được phép thi vào các trường đại học quân sự, nhưng tôi biết các môn học có liên quan đến thiết kế - chế tạo vũ khí được dạy trong sáu trường đại học lớn."

Trong hàng nghìn người Việt Nam sang Pháp du học, có lẽ chỉ duy nhất Phạm Quang Lễ có quyết tâm nghiên cứu về vũ khí. Song đây là lĩnh vực bí mật và cấm tuyệt đối người dân thuộc địa. Chỉ cần để lộ ra ý định này, ông sẽ bị trục xuất ngay khỏi nước Pháp. Vì vậy trong mười một năm ở Pháp, ông chỉ có thể tự mò mẫm và bí mật học hỏi, sưu tầm tài liệu về các loại vũ khí.

Muốn đi vào lĩnh vực này cần phải giỏi về khoa học cơ bản, toán học, cơ học, hóa học và kĩ thuật. Vì vậy, Phạm Quang Lễ đã thi lấy bằng cử nhân khoa học ở Trường Đại học Sorbonne, bằng kĩ sư cầu đường ở Trường Cầu cống quốc gia, bằng kĩ sư điện tại Trường Đại học Điện và bằng kĩ sư hàng không tại Học viện Kĩ thuật Hàng không, đồng thời thi lấy chứng chỉ ở Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Mỏ. Ngoài ra,

ông còn tự học tiếng Đức để đọc các tài liệu của Đức từ nguyên bản.

Là người nhiệt thành, tận tâm với Tổ quốc, khi ông ra đi, mọi người đều vô cùng thương tiếc và nhớ mãi về ông. Người bạn đời, người vợ, người đã gắn bó chia sẻ mọi nỗi buồn niềm vui cùng ông - bà Nguyễn Thị Khánh, khi được hỏi về chồng của mình đã bồi hồi nhận xét:

- Anh Trần Đại Nghĩa là một nhà khoa học giản dị đã được Bác Hồ giác ngộ, anh ý thức được tinh thần yêu Tổ quốc Việt Nam của mình, anh tha thiết đóng góp sức mình cho hoài bão lớn lao là làm sao cho dân giàu nước mạnh, cuộc sống hòa bình hạnh phúc và tiến lên ngang tầm thế giới văn minh.

Chính vì vậy mà bà Nguyễn Thị Khánh cũng đã dặn dò con cháu:

- Mẹ nghĩ Bác Hồ đã đặt cho ba các con là họ Trần thì các con cũng lấy họ Trần, các cháu cũng lấy họ Trần để giữ đạo đức và truyền thống⁽¹⁾.

(1) Theo lời kể của Đại tá Trần Dũng Trí, người con trai cả của Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa.

Tấm lòng thương yêu của Bác Hồ

*(Ghi theo lời kể của nhà báo Như Quỳnh⁽¹⁾, Tổng biên tập đầu tiên
của Báo Phụ nữ Việt Nam)*

Nhà báo Như Quỳnh được đồng nghiệp đánh giá là người có tầm nhìn rộng rãi và nhân ái. Mỗi khi vào Sài Gòn, tôi đều đến thăm bà ở ngôi nhà nhỏ trên đường Trần Tuấn Khải, quận 5. Theo lời bà kể lại, bà có nhiều dịp được gặp Bác Hồ khi làm báo. “Tấm lòng Bác thương yêu cán bộ nữ viết báo không chỉ biểu hiện ở chỗ Bác dạy cho chúng tôi về nghề nghiệp.”

Bà Như Quỳnh nhớ lại ngày cả nước tổ chức mừng sinh nhật đầu tiên của Bác, ngày

(1) Nhà báo Như Quỳnh (1923 - 2017), tên thật là Võ Thị Ngọc, bí danh Ngọc Nghi, Tổng biên tập đầu tiên của báo *Phụ nữ Việt Nam*.

19 tháng 5 năm 1946. Khi đó, bà đang là phóng viên báo *Tiếng gọi Phụ nữ*, thuộc Trung ương Hội Phụ nữ Cứu quốc:

“Như mọi người, chúng tôi rất muốn vào chúc mừng Bác. Nhưng chúng tôi nghĩ, đây là ngày lễ lớn, chỉ các vị bộ trưởng, các đại diện đoàn thể, có công hiến nhiều cho cách mạng thì mới được đến chúc mừng Bác, còn chị em chúng tôi, những người cán bộ bình thường thì cứ cố làm công việc của mình, hằng tuần được gặp Bác đã là hạnh phúc lớn rồi, và chúng tôi không dám đến.

Ngày hôm sau, có cuộc họp báo. Anh Cù Huy Cận cho chị Thanh Thủy và tôi biết hôm qua Bác bảo thế nào báo *Tiếng gọi Phụ nữ* cũng vào và Bác để phần bánh cho chúng tôi.

Trước đó, hai cán bộ phụ nữ là Như Quỳnh và Thanh Thủy được cử đến xin ý kiến Bác về tờ báo *Tiếng gọi Phụ nữ* sắp xuất bản. Bác hỏi hai nữ phóng viên:

- Các cô có con chưa?
- Dạ chưa ạ! - Bà Thanh Thủy đáp.
- Thế các cô có biết quần tã cho bé không?

Cả hai còn lúng túng chưa kịp trả lời, Bác bảo:

- Viết báo phụ nữ không thể chỉ ngồi trong bốn bức tường rồi nghĩ ra viết điều này điều nọ, mà phải viết về những chuyện, những việc cụ thể, thiết thực trong đời sống hằng ngày của phụ nữ, của bà mẹ, của trẻ em.

"Chỉ một câu nói, Bác đã chỉ cho chúng tôi rõ nhiệm vụ, chức năng và cả phương pháp làm báo, viết báo phụ nữ." Bà Như Quỳnh luôn ghi nhớ như thế.

Trong nhiều kỉ niệm về Bác, bà Như Quỳnh nhớ về Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua lần đầu tiên vào năm 1952. Mọi người náo nức khen ngợi hai bản báo cáo của anh hùng Nguyễn Thị Chiên và chiến sĩ thi đua Phạm Thị Nhật.

"Một hôm, Bác đến thăm cơ quan, chị em chúng tôi đều nhắc đến hai bản báo cáo ấy. Bác hỏi:

- Các cô có biết vì sao mà báo cáo của các cô ấy hay không?

Chị Đinh Thị Cẩn thưa:

- Đó là do chị Chiên, chị Nhật đều sống trong thực tiễn chiến đấu cho nên nói lên sự thật rất sinh động.

Bác vừa cười vừa nói:

- Đúng thế, nhưng không phải chỉ có thế. Các bản báo cáo ấy hay còn là do không có sự sửa chữa, thêm thắt của nhiều người khác...

Tôi suy nghĩ rất nhiều. Câu nói ý nhị của Bác nhắc nhở tôi mỗi khi sử dụng hoặc biên tập lại bài của thông tin viên, bạn đọc trong đông đảo nhân dân, phải luôn luôn cố gắng ghi lại đúng đắn, trung thực những lời và những ý mộc mạc, giản dị của những con người trực tiếp sản xuất, chiến đấu, không thể tùy tiện sửa đổi thêm bớt theo ý nghĩ chủ quan của mình."

*

Năm mười bốn tuổi, lần đầu tiên trong đời, cô thiếu nữ tỉnh Sa Đéc, một tỉnh nhỏ ở miền Tây (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), rời nhà lên Sài Gòn học tại Trường Áo Tím (tên Tây là Collège des Jeunes Filles Indigènes -

trường trung học cho nữ sinh bản xứ - nay là Trường Nguyễn Thị Minh Khai).

Đây cũng là lần đầu tiên cô phải học tất cả các môn học bằng tiếng Pháp, dưới sự chỉ dạy của bà giáo Lý Thị Xuân Yển - vợ bác sĩ Trần Văn Đôn. Với bốn năm học ở trường Tây (1937 - 1941), tinh thần "tự do, bình đẳng, bác ái", giúp bà sống tự lập và khẳng khái giữa cuộc đời.

Cái đầu bé nhỏ của cô nữ sinh Võ Thị Ngọc được bà giáo Xuân Yển mở cửa thuở ban đầu đã đón đủ mọi xu hướng văn học thế kỉ XVII - XIX của Pháp và trong số đó có những câu thơ của Musset được cô thuộc lòng, ví dụ như:

*"Les plus désespérés sont les chants
les plus beaux*

*Et j'en sais d'immortels qui sont de
purs sanglots."*⁽¹⁾

Hồi đó, nam sinh trường Pétrus Ký có ra một tờ nội san chép tay trên giấy thép, đặt tên là

(1) Tạm dịch:

*Những câu ca tuyệt vọng là những câu ca hay nhất
Và tôi biết nhiều câu ca bất hủ chỉ thuần là những tiếng nấc thôi.*

tờ *Hợp Quần*. Nam sinh nhạo nữ sinh bằng một bức vẽ viễn cảnh gồm mấy đường thẳng dưới đường chân trời chụm về một điểm, phía trên có quẹt thêm cho thành một con đường xa tít mù tấp.

Nữ sinh Áo Tím cũng chẳng kém, cho ra tờ *Tương Lai* vẽ ba, bốn sợi dây giăng chông chéo, trên treo đủ các loại quần. Đó là mong ước "hợp quần" để giành "tương lai" cho đất nước, song được thể hiện với chút ít hài hước gây cười.

Thế rồi, cô nữ sinh ấy rời xa bút nghiên, lên đường để thực hiện mong ước "hợp quần".

Kể đến đây, dù đã ngoài chín mươi tuổi, bà Như Quỳnh vẫn say sưa nhắm hát cho tôi nghe những lời ca hùng tráng của những người lính chân đất đứng lên bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ cách mạng, sau này thành Quốc ca nước Pháp: "... *Aux armes, citoyens Formez vos bataillons Marchons, marchons! Qu'un sang impur Abreuve nos sillons.*"⁽¹⁾

(1) Tạm dịch: Các công dân hỡi! Hãy cầm vũ khí! Tiến lên, tiến lên! Một loại máu vẫn đục đang tràn lên đồng ruộng chúng ta.

Bà Như Quỳnh là con gái cụ cử Võ Hoành, một trong những người sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX, cùng các cụ Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ... Không đỗ đạt trong khoa cử nhưng với kiến thức thực học của mình, cụ Võ Hoành vẫn được mọi người tôn kính như một ông cử nhân và gọi cụ là Cử Hoành.

Trong lần theo bà về quê mẹ (làng quan họ Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) năm 2014, ngồi trên xe, bà đọc cho tôi nghe những lời thơ về Đông Kinh Nghĩa Thục cả trăm năm trước:

Tội danh đồ đám Nho lưu

Bắc Kì thân sĩ đứng đầu năm tên.

Năm tên, đó là cụ Nguyễn Quyền, cụ Lê Đại - đồ đầu xứ. Thứ ba là cụ Võ Hoành. Thứ tư là cụ Dương Bá Trạc. Thứ năm là cụ Hoàng Tăng Bí. Cả năm người đều bị chính quyền thực dân ra lệnh xử tử. Sau đó, Hội Nhân quyền bên Pháp bênh vực, án giảm xuống chung thân khổ sai, đày ra Côn Đảo.

Lên sáu tuổi được học chữ Nho với cha, năm mười bốn tuổi thì bà xa nhà lên Sài Gòn học rồi thoát li hoạt động cách mạng (mà bà nói vui với tôi là "lưu lạc giang hồ"). Cha dạy chữ Nho, còn những chiến sĩ cách mạng Hà Huy Giáp, Nguyễn Kim Cương về gây cơ sở đã dạy bà chữ Tây.

Vì thế, bà không nhớ các thầy ở trường đã dạy chữ khi mới bước vào lớp 1 như thế nào. Văn Nôm cha dạy giúp bà từ nhỏ đã thấm nhuần luân thường đạo lí.

Sau này, kĩ sư Lê Võ Bạch Thông, con trai bà kể lại: Bà nổi tiếng Trường Áo Tím vì vừa thông minh, học giỏi, vừa xinh đẹp nhất trường. Thời gian đó thái tử nước láng giềng đang theo học tại Trường Chasseloup Laubat - Sài Gòn (nay là Trường THPT Lê Quý Đôn) vô cùng ngưỡng mộ bà.

Bà học nội trú, cuối tuần ô tô gia đình lên đón bà đã thấy thái tử đầu đội mũ phớt trắng, com lê trắng, ca ra vát trắng, giày trắng đứng đợi ở cổng trường.

Thái tử tự lái ô tô đi theo ô tô gia đình bà. Chuyến phà ở Mỹ Thuận những ngày đó như

rực rỡ hẳn lên, một chàng trai hào hoa phong nhã và nhất là cô học sinh áo dài tím với nét mặt rạng rỡ thông minh. Thái tử đi đến tận Sa Đéc nhà bà mới chịu quay về Sài Gòn.

Đỗ Thành chung ở Trường Áo Tím rồi bà đỗ đầu khi thi vào Trường Pétrus Ký - Sài Gòn (nay là Trường THPT Lê Hồng Phong) hệ tú tài toàn phần. Chính phủ thuộc địa chọn cấp học bổng toàn phần cho sang Pháp học nhưng bà đã từ chối.

Từ chối học bổng sang Paris, từ chối lời cầu thân của thái tử nước láng giềng, bà quyết định tham gia Việt Minh để góp sức mình vào con đường mà người cha thực hiện dang dở, đó là giành độc lập dân tộc. Bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 năm 1944, rồi lập gia đình với người đồng chí là Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ.

Cách mạng Tháng Tám, rồi Nam Bộ chuẩn bị bước vào kháng chiến trường kì. Bà được ông Hoàng Quốc Việt - Thường vụ Trung ương Đảng, cử mang tài liệu của Xứ ủy Nam Kỳ ra Hà Nội báo cáo tình hình với Trung ương Đảng.

Ấm con trai mới sinh trên tay, bà ra đến Thanh Hóa ngày 23 tháng 9 năm 1945 thì được tin qua Đài Tiếng nói Việt Nam: quân Anh mới chiếm Nam Bộ phủ. Chính chuyển ra Bắc công tác năm 1945 đã gắn cuộc đời bà với báo chí. Bà được giao cùng bà Thanh Thủy - vợ Bộ trưởng Bộ Thanh niên Dương Đức Hiền - cùng phụ trách nội dung tờ báo *Tiếng gọi Phụ nữ*.

Từ báo *Tiếng gọi Phụ nữ*, bà làm báo *Cứu quốc khu 2*, cho đến khi về báo *Phụ nữ Việt Nam* mà bà tự nhận là người may mắn được cử làm Tổng biên tập đầu tiên.

Chiếc áo Bác Hồ

(Theo lời kể của cụ Trần Thị Minh Châu⁽¹⁾, nguyên Chánh Văn phòng Khu Giải phóng Trung ương, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Hà Đông, Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên, Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, Cục trưởng Cục Xuất bản Bộ Văn hóa...)

*

Có thể nói rằng, cụ bà Trần Thị Minh Châu là một nhà báo lão thành, vì cụ từng tham gia viết Báo Đảng bí mật từ thời kì Mặt trận Bình dân năm 1939 với các đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư Trường Chinh, đồng chí Hoàng Văn Thụ, đồng chí Đào Duy Kỳ... Rồi sau đó cụ là người phụ trách (như Tổng biên tập bây giờ) tờ báo *Bãi Sậy* ở Hưng Yên (cùng nhà văn Học Phi)... Những năm

(1) Cụ Trần Thị Minh Châu (1922 - 2016), nguyên Cục trưởng Cục Xuất bản - Bộ Văn hóa (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông).

gần đây, cụ vẫn viết báo, viết sách. Còn bây giờ: "Bà già rồi, yếu rồi, không còn viết nữa, chứ cũng có nhiều chuyện đáng để viết lắm đây." Tôi xin cụ kể cho nghe những kỉ niệm ở Tân Trào, ngày cụ làm Chánh Văn phòng Khu Giải phóng Trung ương.

Cụ Trần Thị Minh Châu hồi tưởng...

Tháng 4 năm 1945, đang công tác tại Võ Nhai - Đình Cả (Thái Nguyên), sau khi chỉ huy Cứu Quốc quân đánh thắng thực dân Pháp liên tiếp ở Tràng Xá, La Hiên và Đình Cả thì có quyết định của cấp trên điều tôi về Tân Trào nhận nhiệm vụ mới.

Sau nhiều ngày trèo đèo lội suối, tôi đã đến được Tân Trào thuộc châu Tự Do (Sơn Dương - Tuyên Quang) Thủ đô cách mạng. Tại Tân Trào đã thành lập Ủy ban Khu Giải phóng Trung ương lâm thời gồm sáu tỉnh: Cao Bằng - Bắc Kạn - Lạng Sơn - Hà Giang - Tuyên Quang - Thái Nguyên do đồng chí Tổng (Phạm Văn Đồng) làm Chủ tịch, đồng chí Hưng (Võ Nguyên Giáp) làm Ủy viên thường trực. Cảnh nhà của Ủy ban Khu Giải phóng Trung ương có hai đơn vị là Ban quản lí

do đồng chí Lý (Hoàng Hữu Kháng) phụ trách và Văn phòng, khi tôi về liền được cử phụ trách, lấy bí danh là Chi.

Một hôm có một đồng chí lên Tân Trào vào Văn phòng đề nghị: "Cho tôi gặp đồng chí Chi". "Vâng, mời anh vào". Ông ấy cứ loay hoay mãi: "Tôi có việc cần lắm, chị cho tôi gặp đồng chí Chi ngay, càng sớm càng tốt. Tôi chỉ muốn gặp đồng chí Chi để giải quyết công việc này, xong tôi phải về ngay." Lúc bấy giờ buồn cười, tại sao mình không nói: "Tôi là Chi đây!" mà lại cứ: "Vâng mời anh vào làm việc."

Thấy khách cứ bần khoản đi ra đi vô, cậu Nguyễn Chính (tức Du Phong) đang ngồi đánh máy ở phòng trong, chạy ra bảo: "Thì đồng chí Chi là đồng chí này chứ còn ai nữa mà từ nãy giờ cứ lằng nhằng mãi." Ông kia ngạc nhiên: "Chị là đồng chí Chi à?" "Vâng, tôi là Chi." Ngồi làm việc một lúc lâu, đến khi xong việc, ông ấy đứng lên bảo: "Tôi xin lỗi chị, tôi tưởng người tên Chi là anh Chi." Tôi bảo: "Có gì đâu mà phải xin lỗi."

Thì ra, các tỉnh trong vùng giải phóng nhận được công văn từ Văn phòng Khu Giải phóng, lại nghe nói người phụ trách Văn phòng là đồng chí Chính trị viên Cứu Quốc quân từng chỉ huy đánh thắng quân Pháp ở Võ Nhai, thế nên cứ yên chí đây là một nam giới và rất bất ngờ khi thấy đó là một cô gái trẻ đẹp mới hai mươi ba tuổi.

Thời gian ở Tân Trào, tôi cùng anh em được xếp ở nhà ông Tiến Sự là một già bản có uy tín nhất làng Kim Long. Hằng ngày, tôi được anh em và đồng bào kể nhiều chuyện về "Ông Ké" người dong dỏng cao, quắc thước, nhanh nhẹn, đặc biệt ông có đôi mắt rất sáng, rất tinh anh. "Ông Ké" mới về đây được vài tháng đã dựng lán bên lưng núi Nà Lừa để ở và làm việc. Nhưng ông luôn quan tâm đến đồng bào nên được đồng bào vô cùng quý mến.

Phải hơn một tháng sau khi tôi đến Tân Trào công tác, đồng chí Lê Giản mới "bật mí" cho tôi biết "Ông Ké" chính là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, là Cụ Hồ Chí Minh.

Với anh em phục vụ, "Ông Ké" luôn gần gũi và quan tâm. Lúc đó bên cạnh lán của Bác còn có lán điện đài liên lạc với quân Đồng minh do một số người Mỹ trong nhóm tình báo "Con Nai" của OSS làm việc. Mỗi lần đi công tác với các bạn Mỹ về, bao giờ Bác cũng có quà, dù món quà rất đơn giản, cho mọi người, nhưng đó là thể hiện tấm lòng của Bác.

Có một kỉ niệm tôi không bao giờ quên trong cuộc đời của mình. Một hôm, Bác được các bạn người Mỹ tặng chiếc áo bu lông để mặc vào mùa đông giá rét. Bác không dùng cho riêng mình mà đem ra cho anh em. Nhưng cơ quan Ủy ban Giải phóng rất đông người nên Bác bảo hãy bắt thăm để cho công bằng. Thấy tôi ngồi im lặng không tham gia, Bác bảo tôi cũng phải bắt thăm. Tôi giãy nảy vì người tôi bé nhỏ, còn cái áo thì vừa to vừa rộng thùng thình làm sao tôi mặc được. Bác ôn tồn nói: "Cô vẫn phải tham gia bắt thăm, không phân biệt nam nữ." Cuối cùng tôi lại chính là người bắt trúng, cái áo thuộc về tôi. Lúc đó Bác

mới nhẹ nhàng: “Bác không tặng cái áo này cho cô Chi đâu. Cô giữ lấy đến khi nào chú ấy ở ngoài Côn Đảo về thì để chú ấy mặc.”

Tôi sửng sốt quá vì chưa bao giờ tôi thấy Bác hỏi về hoàn cảnh gia đình tôi. Vậy mà Bác biết rõ anh Đào Duy Kỳ, chồng tôi, đang ở nhà tù Côn Đảo. Tôi cảm động quá không cầm nổi nước mắt. Tôi thấy tấm lòng của Bác thật minh mông. Đó là tấm lòng của người cha vô cùng tôn kính, vô cùng thân thương, luôn luôn lo lắng, chăm sóc hết mực cho con cái. Từ đó, đi đâu tôi cũng mang chiếc áo theo bên người.

Hà Nội tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Bác và các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn... về Hà Nội. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan, Lê Giản... và tôi được Bác giao nhiệm vụ vẫn tiếp tục ở lại xây dựng và củng cố căn cứ Việt Bắc.

Cuối tháng 9 năm 1945, trước yêu cầu mới của cách mạng, chúng tôi lần lượt về Hà Nội nhận nhiệm vụ. Đồng chí Phạm Văn Đồng làm Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng chí

Lê Giản làm Giám đốc Nha Công an Trung ương. Tôi tham gia phong trào Nam tiến, cùng đoàn với đồng chí Lê Đức Thọ, để có điều kiện sớm gặp anh Đào Duy Kỳ vừa được đón từ Côn Đảo về đất liền.

Cũng trong khi ấy, người Mỹ muốn xâm nhập Đông Dương để ngăn chặn sự tấn công của Nhật ở phía Nam Trung Quốc và Đông Dương. Họ gặp phải nhiều khó khăn, nên cũng cần tìm một đối tác hợp lí để nhanh chóng vào sâu Đông Dương.

Một sự kiện tình cờ đã đến - một máy bay của Mỹ bị trúng đạn Nhật, phi công đã nhảy dù xuống vùng núi gần thị xã Cao Bằng - được Việt Minh cứu.

Bác Hồ đã lệnh phải bảo vệ an toàn và bí mật đưa về gặp Bác. Người phi công ấy là Trung úy Sao (William Shaw).

Bác Hồ đã gặp Sao nói chuyện chân tình. Quà tặng cho Sao là một tấm lụa trắng thêu dòng chữ tiếng Anh "Chúc mừng khách đến", một tấm vải đỏ có chữ kí của nhiều hội viên Mặt trận Việt Minh ủng hộ Đồng minh chống phát xít.

Bác Hồ còn tặng Sao một bản dịch tiếng Anh toàn văn bản *Chương trình Việt Minh* rồi cho người đưa Sao về Côn Minh. Sao đã báo cáo tất cả những gì tai nghe mắt thấy, tất cả sự chăm sóc bảo vệ của Việt Minh cho tướng Sê-nô (Claire L. Chernault).

Sau đó không lâu, Bác Hồ với danh nghĩa là phái đoàn của Việt Nam độc lập đồng minh sang đàm phán với Mỹ - Đồng minh về hợp tác đánh Nhật, đã gặp được tướng Sê-nô. Qua sự phản ánh của Trung úy Sao, qua tình báo riêng của Bộ Tư lệnh và cũng qua sự tiếp xúc với Bác Hồ, người Mỹ rất vui mừng vì đã nhận được những thông tin hết sức quan trọng về quân Nhật trên lãnh thổ Đông Dương. Ngoài ra, Việt Minh còn giúp đỡ cứu trợ những phi công Mỹ bị nạn và một số yêu cầu khác của Đồng minh.

Về phía Việt Minh, Bác Hồ chỉ mong muốn Mỹ giúp đỡ vũ khí, điện đài và giúp đào tạo cán bộ, nhân viên sử dụng vũ khí, điện đài.

Tướng Sê-nô đã tin cậy đáp ứng mọi yêu cầu của Bác Hồ.

Khi trở về Việt Nam, có hai người Mỹ cùng về với Bác. Họ trở thành những người Mỹ đầu tiên có mặt ở Khu Giải phóng Việt Nam. Họ có nhiệm vụ đón tiếp những người Mỹ khác sẽ lần lượt đến.

Trong chuyến đi này, Bác giành được hai mục đích: Một là đã gây được thiện cảm với Mỹ - Đồng minh, tranh thủ được sự giúp đỡ của Mỹ - được Mỹ công nhận vai trò của Việt Nam trong sự hợp tác đánh Nhật. Hai là đã tạo được thế vững chắc cho cách mạng Việt Nam bên cạnh người bạn láng giềng Trung Quốc.

Vào lúc 16 giờ ngày 16 tháng 7 năm 1945, chúng tôi đón đoàn phi công nhảy dù xuống Tân Trào gồm sáu người do Thiếu tá Tô-mát (Thomas) chỉ huy.

Để chuẩn bị tiếp đoàn Mỹ, Bác Hồ bảo chúng tôi phải làm một bữa tiệc mừng.

Chúng tôi lại chụm đầu vào bàn bạc: Khó quá, ở giữa rừng này làm gì có thực phẩm, bát đĩa cũng không. Cũng chẳng ai biết nấu cơm Tây, lại còn tiệc Tây nữa.

Biết nỗi lo của chúng tôi nên Bác nói:

- Các chú, các cô bí rồi phải không? Vậy hãy cho người sang Định Hóa nhờ Chủ tịch Chanh mua giúp cho con bê, đem về thui chín vàng, để cả con nằm trên chõng tre. Hai bên làm dấy ghế ngồi bằng tre nữa. Sắp mỗi người một con dao (người Mỹ đã sẵn có dao và nĩa). Có đĩa muối, đĩa gừng, có rượu do đồng bào tự nấu, uống bằng bát to. Mọi người tự do thích ăn chỗ nào thì tự cắt lấy.

Chúng tôi nhìn nhau ngẩn ngừ. Bác như đã hiểu, Người giải thích luôn: "Không có gì ngại cả - kể cả Tây và ta, không phải ai cũng được ăn một bữa tiệc dân dã trong rừng đâu. Cứ làm đi, để rồi xem họ có thích không? Còn thú vị lắm nữa kia!"

Quả là sau đó, đoàn Mỹ rất hài lòng, mừng rỡ lắm. Chúng tôi lại thì thầm với nhau:

- Đúng là Bác không chỉ rành việc lớn mà thạo cả việc nhỏ, mọi việc đều chu đáo!

Đoàn Mỹ sang Việt Nam chỉ mang theo lương khô. Bác lại bàn phải lo thực phẩm tươi sống cho họ. Mỹ bây giờ là Đồng minh, là bạn của mình, nên phải chăm lo sức khỏe

cho họ, không để họ sống thiếu thốn, kham khổ như mình.

Ủy ban Khu Giải phóng đóng ở Tân Trào, nhân dân huyện Sơn Dương vốn rất nghèo. Chúng tôi phải sang huyện Định Hóa bàn với Chủ tịch Chanh. Đồng chí Chanh nhận lời ngay và cử hai hội viên là Nguyễn Văn Sách và Ma Văn Bầu lo việc này.

Từ đây cứ cách hai, ba ngày lại có một đoàn người vừa gánh vừa khiêng những đậu, thịt, rau, trứng, măng từ Định Hóa sang... Họ phải leo qua đèo De, luồn rừng trên hai mươi cây số mới đến được Tân Trào. Các bạn Mỹ thích ăn thịt thú rừng nên có khi được cả một con dê, hay có lần một con nai còn nguyên cặp lộc nhung mềm.

Có mấy tháng liền nhân dân Định Hóa tiếp tế cho cả Khu Giải phóng, trong khi ấy gia đình con cái họ chỉ ăn con cá, con ốc bắt được ở suối với lọ măng ngâm ớt.

Đồng bào nói:

- Mình nuôi bạn Mỹ để Mỹ cùng bộ đội Cụ Hồ đánh Tây, đuổi Nhật, nước Việt Nam được độc lập tự do, mình sẽ được ấm no.

Trước khi về Hà Nội, Bác lại dặn chúng tôi:

- Ta chẳng có tiền, cũng chẳng có vật gì kỉ niệm cho đồng bào. Có đồng dù của Mỹ, các cô chịu khó tháo từng ô đem biếu đồng bào. Tính theo đầu người, mỗi người một mảnh. Đồng bào có thể cắt may áo, may chăn.

Nhận được món quà nhỏ từ những tấm vải dù nhân dân rất phần khởi.

Đồng bào Sơn Dương, Định Hóa, cũng như mọi người dân Việt Nam đã có tập quán nuôi quân, khi còn là du kích, dân quân tự vệ. Nhân dân không chỉ nuôi ăn mà còn mang tặng cả quần áo, lo giày dép, thuốc men. Không bao giờ nhân dân đòi thanh toán. Họ nói: Con cái góp cho cách mạng còn được thì tài sản của dân cũng là của cách mạng, của nước nhà.

Chữa răng Bác Hồ ở Chiến khu Việt Bắc

Ngày 11 tháng 12 năm 1996, khi viết những hồi kí “Tôi đi chữa răng Bác Hồ”, nhà sĩ Nguyễn Dương Hồng⁽¹⁾, nguyên Trưởng khoa Răng Hàm Mặt - Viện Quân y 108, chia sẻ: *“Hôm nay viết lại việc chữa răng Bác - thực ra là nhớ răng - tôi càng nhớ Bác. Kính phục một người suốt đời vì dân tộc, một vị Chủ tịch nước giản dị và tiết kiệm.”*

*

Theo các tài liệu của ngành Răng Hàm Mặt của Việt Nam, tháng 10 năm 1939,

(1) Giáo sư, bác sĩ Nguyễn Dương Hồng (1918 - 2009), nguyên Trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Viện Quân y 108.

chính phủ bảo hộ Pháp đã cho mở thêm một số ban tại Trường Đại học Y Dược hỗn hợp chung cho cả Đông Dương tại Hà Nội (nay là Trường Đại học Y Hà Nội), trong đó có Ban Răng Miệng (Section d' Odonto - Stomatologie). Ngay những năm đầu tiên thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trường Đại học Y - Dược Hà Nội làm lễ tốt nghiệp cho mười nha sĩ trong đó có nha sĩ Nguyễn Dương Hồng. Tháng 9 năm 1946, nha sĩ Nguyễn Dương Hồng được bổ nhiệm là Ủy viên thanh tra Cục Quân y, được giao tổ chức đội chữa răng lưu động, mở đầu cho hoạt động của ngành Nha dân và Quân y của cả nước.

Trong hồi kí của mình, nha sĩ Nguyễn Dương Hồng kể lại:

Sau hè 1948, làm xong một vài việc do Cục Quân y giao, tôi làm nghề chữa răng trong Quân y. Dụng cụ chữa răng tôi mang ra kháng chiến khá nhiều, nhưng đã bỏ lại ở Bắc Kạn sau khi Pháp nhảy dù, chỉ còn mấy dụng cụ nhỏ răng mà tôi luôn mang theo người khi đi công tác.

Một hôm, tôi được gọi đi chữa răng cho Bác.

Qua mấy lần chờ ở cơ quan liên lạc, mỗi chỗ vài ngày, tôi mới tới được nơi Bác đợi, ở chân đèo De thuộc dãy Tam Đảo. Nơi gặp Bác là một cái lán bỏ không. Tôi khám, nhổ ba chân răng cửa và một chân răng nanh hàm trên trong mười hôm. Tôi không hỏi bệnh sử, nhưng trước lúc nhổ răng, bác sĩ Lê Văn Chánh có thử thời gian máu chảy và máu đông.

Nhổ răng bình thường. Tôi ra về và hẹn sẽ làm răng giả cho Bác.

Trong thời gian chữa răng, tôi ăn ngủ trên một sạp nứa dài cùng Bác và mấy anh bảo vệ. Thức ăn đựng trong một ống nứa ngô gồm một phần muối, một phần thịt, một phần ớt. Có ớt là để phòng sốt rét.

Những lúc nghỉ việc Bác nói chuyện với tôi. Tôi nhớ lần đầu, Bác hỏi tôi đã đọc quyển Tuyên ngôn Đảng Cộng sản chưa? Tôi đáp, đã đọc. Bác dạy tôi phải đọc năm, sáu lần, đọc thông thả mới hiểu hết được. Tôi cũng kể chuyện sinh sống của dân nơi tôi ở. Tôi có kể một ông cố đạo nói với tôi về chủ nghĩa

duy vật và chủ nghĩa duy tâm mà tôi biết rất lơ mơ. Bác hỏi lại: "Máy bay địch đánh ta là duy vật hay duy tâm?"

Ở chỗ Bác về, tôi đi một vòng từ Thái Nguyên tới Thái Bình, Hải Hậu, Kim Sơn để mua dụng cụ làm răng giả. Tôi mua được một cần dẻo đã rỉ không quay được, mấy cái răng cài không đúng kiểu mặt răng của Bác. Trở về cơ quan, tôi làm một hàm răng giả bằng vàng, móc vàng, có mang răng sứ. Một hàm giả rất nặng và rất xấu nhưng cũng che được nơi mất răng và tôi lên chỗ Bác ở, lắp hàm cho Bác.

Sau đó, vào năm 1950, tôi được gọi lên sửa hàm giả, vì hàm cũ để trong một cái chén uống nước, một người không biết, hất đi, răng sứ bị vỡ. Lúc này, trong tay tôi không còn đồ làm răng giả. Tôi bèn lấy khuôn đổ mẫu và nhờ anh Khuất Duy Tiến, lúc đó lên chiến khu họp, gửi mẫu về Hà Nội, nhờ các bạn tôi làm theo Bác dặn, tôi không nói làm hàm cho ai, vậy mà sau này khi trở về Hà Nội anh em cũ đều biết là làm hàm cho Bác. Hàm làm bằng nhựa hồng và răng bằng

nhựa màu đẹp. Tôi lại được gọi lên lắp hàm giả cho Bác.

Những lần sau này, tôi lên chỗ Bác ở và được biết về sinh hoạt của Bác. Bác dậy sớm và đánh bóng chuyền với anh em. Có lúc lâu bóng không đến chỗ Bác. Bác gọi: "Truy tố đi!" rất vui vẻ. Hằng ngày Bác tắm: một chậu nước đun sôi, để nguội bớt. Bác dùng khăn mặt lau từ đầu đến chân. Bác ăn uống rất tiết kiệm. Lúc đầu, Bác ăn cùng anh em bảo vệ, sau Trung ương quyết định Bác phải ăn thêm vì hình như Bác mới ốm xong. Ngồi ăn, Bác chia phần thức ăn riêng ra làm nhiều phần để anh em cùng ăn, nên chi bộ quyết định, Bác ăn riêng cùng bác sĩ Lê Văn Chánh. Lúc tôi lên, tôi ăn ở "mâm" đó. Chỉ có vài miếng thịt, thật là tiết kiệm. Hôm nào có món ăn nhiều, Bác san ra, ba Bác cháu chỉ ăn một phần, mà ai ăn sau phải ăn hết. Bác ăn nhanh, lần nào cũng xong trước. Bác để đĩa vào khay và nói chuyện, chuyện hoạt động của Bác lúc trước, cho tới khi mọi người ăn xong. Có lần Bác kể, Bác đi công tác bốn mươi cây số mỗi ngày, lúc cần đi gấp, Bác đi

sáu mươi cây số mỗi ngày. Cũng có lần Bác kể, lúc trước Bác ăn khỏe, Bác cầm cả tảng cháy, Bác giơ hai tay làm hiệu, gập chỗ sanh đồng⁽¹⁾ Bác bỏ đi và ăn tiếp. Bác kết luận lúc ăn được thì chẳng có cái ăn, lúc có cái ăn lại không ăn được. Bác chỉ ăn mỗi bữa hai bát.

Bác bận việc là điều dễ hiểu. Tôi chẳng có việc gì làm. Có lần, Bác đưa cho tôi một quyển sách, bảo tôi đọc và chiều tôi báo cáo với Bác. Sách nói về lịch sử chống ngoại xâm của ta. Chiều tôi báo cáo với Bác, Bác bảo: "Chú không thấy là bây giờ ta giải phóng dân tộc để rồi làm cho mọi người được hưởng hạnh phúc sao." Một lần khác, Bác đưa cho tôi một tập tài liệu do Bác viết và đánh máy, bảo tôi đọc và chiều, lúc sinh hoạt nói lại cho anh em nghe. Ngay từ lần đầu gặp Bác, Bác đã bảo tôi sách của Mác viết văn chương, sau này Lê-nin viết dễ hiểu vì nói với công nông. Buổi chiều, tôi nói với anh em, tôi đã tránh dùng các từ chính trị khô khan. Tôi nói xong, Bác hỏi anh em có hiểu không và bảo tôi nói lại. Lần thứ hai tôi nói đơn giản hơn

(1) Rỉ đồng ở đây nói bám vào. (BT)

và không phải nói lại nữa. Bản tài liệu Bác viết đó, tôi không nhớ tên, nhưng anh Vũ Kỳ, thư kí của Bác biết.

Bác sĩ Lê Văn Chánh săn sóc sức khỏe cho Bác, nhưng cũng là thầy thuốc của An Toàn Khu. Có lúc đang ăn cơm, có điện thoại gọi. Ăn xong anh Chánh đeo ba lô thuốc lên vai và đi đến chiều: một anh coi ngựa ở cơ quan gần đó đau bụng. Ngay từ lần tôi mới lên chữa răng, đang đêm có người gọi, anh Chánh cũng vác thuốc đi.

Sang năm 1952, tôi lại được gọi lên chữa răng cho Bác. Tôi khám thấy răng hàm thứ nhất, hàm dưới, bên phải bị rách đôi đến dưới lợi, tủy còn sống. Tôi hỏi chắc Bác đau lắm, Bác ừ. Răng lại phải nhổ. Lúc tôi nhổ răng cho Bác, có hai đồng chí trong Nam ra quay phim 8mm. Sau này được xem phim tài liệu về Đại hội 2, Bác phát biểu rất hăng hái. Nhưng ai biết, khi ấy Bác đau lắm, vì má, lưỡi động vào răng là rất đau. Vậy mà Bác nói như không đau đớn gì.